

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH A
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 09 – 5 – 2017
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Kính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Cương
2. Bà Hồ Nguyễn Phượng Anh Hương Thoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Ông Phan Phát Tấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2017/TL.ST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐXX-ST ngày 21 tháng 4 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị M (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, thị trấn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Thanh T (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn N, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 16/01/2017 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Bùi Thị M trình bày: Vào năm 2011, được hai bên gia đình đồng ý nên bà M và ông T có tổ chức lễ cưới theo phong tục nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T không chăm lo làm ăn, chỉ biết ăn chơi, xong rồi về đánh đập, chửi mắng vợ con. Do mâu thuẫn gay gắt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà và ông T đã ly thân từ đầu năm 2016. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông T. Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Như Q, (nữ), sinh ngày 20/11/2013, cháu Q đang sống với bà M. Bà M yêu cầu được nuôi cháu Q, không yêu cầu ông T cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Tôi và chồng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Quá trình tố tụng tại Tòa án ông Bùi Thanh T trình bày: Ông thống nhất đối với phần trình bày của bà M về thời gian chung sống như vợ chồng, việc không đăng ký kết hôn, còn về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do tôi không cho vợ đi làm xa nhưng vợ tôi vẫn đi làm nên vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Hiện tại tôi còn thương vợ, con nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Như Q, (nữ), sinh ngày 20/11/2013, cháu Q đang sống với bà M. Bà M yêu cầu được nuôi cháu Q và không yêu cầu Ông T cấp dưỡng. Tại phiên tòa hôm nay tôi đồng ý giao cháu Q cho bà M nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: các bên khai không có, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Về thủ tục tố tụng: xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: đề nghị áp dụng Điều 14; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không công nhận bà Bùi Thị M và ông Bùi Thanh T là vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Giữa bà Bùi Thị M và ông Bùi Thanh T sống chung với nhau như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Đến ngày 16/01/2017, bà M nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông T, xét đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, giữa bà M và ông T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống bà M và ông T phát sinh mâu thuẫn nên đã ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay và đến thời điểm ly hôn vẫn chưa đăng ký kết hôn theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tại phiên tòa bà M cương quyết xin ly hôn mặc dù đã được tòa án động viên hòa giải nhiều lần nhưng các bên không hàn gắn được, Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình 2014 không công nhận bà Bùi Thị M và ông Bùi Thanh T là vợ chồng.

[3] Về con chung: có 01 con chung tên Bùi Như Q, (nữ), sinh ngày 20/11/2013, cháu Q hiện đang sống với bà M. Xét yêu cầu nuôi cháu Q của bà M, Hội đồng xét xử nhận thấy, từ khi ông T, bà M ly thân cháu Q do bà M nuôi dưỡng, bà M đang đi làm thuê có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q. Tại phiên tòa, ông T cũng đồng ý giao cháu Q cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của bà M, bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa

án giải quyết.

[5] Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 14; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, khoản 1 Điều 58, Điều 81; Điều 82; 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Bùi Thị M.

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị M và ông Bùi Thanh T là vợ chồng.

Về con chung: Giao cháu Bùi Như Q, (nữ), sinh ngày 20/11/2013 cho bà Bùi Thị M được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Bà M không yêu cầu cấp dưỡng nên ông T chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Ông T có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung: các bên thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị M phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp theo biên lai số 0010804 ngày 16 tháng 01 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà M còn phải nộp thêm 100.000đồng.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Chi cục THADS huyện CTA;
- VKSND huyện CTA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Kính